

**THÔNG BÁO**

**Tình hình mặn khu vực tỉnh Tiền Giang**

(Từ 12 giờ ngày 24/02/2025 đến 12 giờ ngày 25/02/2025)

| Stt                                          | Vị trí điểm đo                                          | Độ mặn cao nhất (gam/lít) | So với ngày trước (gam/lít) | So với cùng kỳ năm 2024 | So với cùng kỳ năm 2016 |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I Trên Sông Tiền</b>                      |                                                         |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Cổng Vàm Giồng (xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây)         | 7,56                      | giảm 0,28 g/l               | cao hơn 2,26 g/l        | thấp hơn 2,14 g/l       |
| 2                                            | Bến Đò Hòa Định (xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo)            | 5,30                      | tăng 1,90 g/l               | cao hơn 1,30 g/l        | thấp hơn 1,60 g/l       |
| 3                                            | Cổng Xuân Hoà (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)             | 2,28                      | tăng 1,21 g/l               | cao hơn 0,05 g/l        | thấp hơn 1,12 g/l       |
| 4                                            | Vàm Tân Mỹ Chánh (phường 9, thành phố Mỹ Tho)           | 1,49                      | tăng 1,19 g/l               | thấp hơn 0,11 g/l       | thấp hơn 0,77 g/l       |
| 5                                            | Công Viên Thủ Khoa Huân (phường 1, thành phố Mỹ Tho)    | 0,80                      | tăng 0,58 g/l               | thấp hơn 0,40 g/l       | thấp hơn 1,08 g/l       |
| 6                                            | Cầu Trường Chinh Trị (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho)    | 0,08                      | tăng 0,08 g/l               | thấp hơn 0,49 g/l       | thấp hơn 0,88 g/l       |
| <b>II Trên Sông Soài Rạp và Kênh Chợ Gạo</b> |                                                         |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Cổng số 3 (xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây)              | 3,42                      | giảm 0,91 g/l               | thấp hơn 5,86 g/l       | thấp hơn 9,68 g/l       |
| 2                                            | Cổng số 1 (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo)            | 1,80                      | tăng 1,30 g/l               | thấp hơn 6,30 g/l       | thấp hơn 5,70 g/l       |
| 3                                            | Cầu Chợ Gạo (thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo)           | 2,00                      | tăng 1,30 g/l               | thấp hơn 6,30 g/l       | thấp hơn 0,60 g/l       |
| 4                                            | Bến Đò Xuân Đông (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)          | 2,55                      | tăng 1,35 g/l               | cao hơn 0,05 g/l        | cao hơn 0,65 g/l        |
| <b>III Trên Sông Hàm Luông</b>               |                                                         |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Mỹ Hóa (phường 7, thành phố Bến Tre)                    | 6,60                      | tăng 1,90 g/l               | cao hơn 3,10 g/l        | thấp hơn 0,50 g/l       |
| 2                                            | An Hiệp (xã An Hiệp, huyện Châu Thành, Bến Tre)         | 5,20                      | tăng 2,00 g/l               | cao hơn 3,40 g/l        | thấp hơn 0,20 g/l       |
| 3                                            | Vàm Mơn (xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, Bến Tre)           | 2,90                      | tăng 1,70 g/l               | cao hơn 1,50 g/l        | cao hơn 0,10 g/l        |
| 4                                            | Bến phà Tân Phú (xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, Bến Tre) | 0,70                      | tăng 0,60 g/l               | cao hơn 0,70 g/l        | cao hơn 0,20 g/l        |
| <b>IV Trên Sông Vàm Cỏ Tây</b>               |                                                         |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Cầu Tân An (thành phố Tân An)                           | 1,00                      | tăng 0,30 g/l               | cao hơn 0,10 g/l        | thấp hơn 2,30 g/l       |

**- Dự án ngọt hóa Gò Công:**

- + Cổng Xuân Hòa vận hành lấy gạn. Các cổng còn lại đóng ngăn mặn.
- + Mực nước trên kênh trục chính: từ +0,46 mét đến +0,48 mét.

**- Dự án Phú Thạnh-Phú Đông:**

+Tất cả các cống đóng ngăn mặn.

+ Mức nước trên kênh trục chính: từ +0,03 mét đến +0,04 mét.

**- Dự án Bảo Định:**

+ Cống Bảo Định vận hành lấy nước. Cống Gò Cát đóng. Cống Xoài Hột vận hành tự do.

+ Mức nước trên kênh trục chính: từ +0,56 mét đến +0,68 mét.

**- Các cống trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 1):** Tất cả các cống vận hành tự do./.

**Nơi nhận:**

- Sở NN&PTNT Tiền Giang;
- Cty TNHH MTV Khai thác CTTL TG
- UBND các huyện, thị, thành;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TPMT, TP Gò Công và TX Cai Lậy;
- Chi cục Thủy lợi;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang;
- Lưu VT.

**TL. TRƯỞNG BAN  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Phạm Thanh Nhã**